

Sự tồn tại và phát triển tất yếu của kinh tế tư nhân ở Việt Nam

TS. NGUYỄN VĂN TRÌNH

Thành quả

Ở Việt Nam nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp những năm 70 – 80 của thế kỷ 20 cũng đã được thay thế bằng chính sách kinh tế nhiều thành phần từ Đại hội toàn quốc Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ 6 (12.1986). Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa có sự điều tiết của Nhà nước ngày càng được khẳng định trong lý luận cũng như trong thực tiễn. Đại hội 7 và 8 (1991 và 1996) đã xác định rõ hơn cơ cấu và bản chất của con đường phát triển các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đó là, thực hiện nhất quán lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần và cần phát huy khả năng của mọi thành phần kinh tế, thừa nhận trên thực tế còn có bóc lột và sự phân hoá giàu nghèo nhất định trong xã hội.

Gần đây, Hội nghị TW lần thứ năm (khóa 9) của Đảng một lần nữa khẳng định: kinh tế tư nhân (gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân) thực sự là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Trong các thành phần kinh tế này, thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò thống trị, chi phối các thành phần kinh tế khác, là cơ sở kinh tế để hình thành hệ thống chính trị của Việt Nam. Như vậy, kinh tế tư nhân đã được khẳng định là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế và dưới thể chế chính trị Việt Nam, dựa trên nền tảng của kinh tế nhà nước, nó không thể nào hình thành nên thế lực tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam.

Qua hơn 15 năm thực hiện đường lối đổi mới kinh tế (1986–2002), khu vực kinh tế tư nhân bao gồm thành phần kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế cá thể và tiểu chủ đã được khẳng định là một bộ phận cấu thành không thể thiếu của nền kinh tế quốc dân Việt Nam. Sự phát triển rộng khắp trong cả nước của khu vực kinh tế tư nhân đã góp phần quan trọng cho sự tăng

trưởng của nền kinh tế Việt Nam, huy động các nguồn lực xã hội vào sản xuất, kinh doanh, tạo thêm hàng triệu công ăn việc làm, góp phần cải thiện thu nhập và đời sống nhân dân, tăng thu hàng ngàn tỷ đồng cho ngân sách Nhà nước, góp phần giữ vững sự ổn định chính trị, an ninh và trật tự xã hội của đất nước. Có thể thấy vai trò của khu vực kinh tế này trong nền kinh tế qua các số liệu dưới đây: (*)

Đóng góp của kinh tế tư nhân vào GDP toàn quốc (giai đoạn 1996–2000)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	1996	1997	1998	1999	2000
Tổng GDP toàn quốc	Tỷ đồng	272.036	313.623	361.017	399.943	444.140
Khu vực kinh tế tư nhân	-	77.481	87.475	98.625	106.029	119.337
% trong GDP toàn quốc	%	28,48	27,89	27,32	26,51	26,87
DN tư nhân	tỷ đồng	19.602	21.920	25.304	27.975	31.733
Công nghiệp	-	4.609	5.278	6.367	7.179	8.626
Thương nghiệp dịch vụ	-	7.565	8.564	10.238	11.203	12.397
Các ngành khác	-	7.428	8.078	8.699	9.593	10.710
% DNTN trong GDP	%	7,21	6,99	7,01	6,99	7,14
Hộ KD cá thể	tỷ đồng	57.879	65.555	73.321	78.054	87.604
Công nghiệp	-	9.261	10.658	11.804	12.662	15.491
Thương nghiệp dịch vụ	-	17.381	19.728	22.878	24.865	27.393
Các ngành khác	-	31.237	35.169	38.639	40.527	44.720
% hộ cá thể trong GDP%	-	21,28	20,9	20,31	19,52	19,72

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Nếu xem xét sự đóng góp và huy động vốn xã hội đầu tư vào sản xuất kinh doanh và nộp ngân sách cho Nhà nước thì khu vực kinh tế có vốn đầu tư phát triển nhanh, chiếm tỷ lệ tương đối cao trong tổng vốn đầu tư xã hội. Năm 1999, tổng vốn đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân đạt 31.542 tỷ đồng, chiếm 24,05%; năm 2000 đạt 35.894 tỷ, tăng 13,8% so với năm 1999, chiếm 24,31% trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Trong đó: Bộ phận kinh tế hộ chiếm tỷ trọng cao nhất: năm 2000 đạt 29.267 tỷ đồng, chiếm 19,82% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Bộ phận doanh nghiệp tư nhân chiếm tỷ trọng còn thấp, năm 2000 mới đạt 6.627 tỷ đồng, chiếm 4,49% tổng số vốn đầu tư toàn xã hội.

Đóng góp vào ngân sách của khu vực kinh tế tư nhân ngày càng tăng. Năm 1996 đóng góp 5.242 tỷ đồng, năm 2000 là 5.900 tỷ, tăng 12,5% so với năm 1999, chiếm 7,1% thu ngân sách năm 2000, năm 2001: 6.370 tỷ đồng (tăng 7,96% so với

năm 2000).

Nếu xét về mặt góp phần giải quyết việc làm, có thể thấy tác dụng thu hút lao động và vốn của các đơn vị kinh tế tư nhân qua các số liệu sau: Bình quân một doanh nghiệp tư nhân có thể thu hút 37 lao động. Một công ty cổ phần có qui mô lớn thu hút 155 lao động. Một cơ sở ngành nghề ở nông thôn có thể thu hút 25 lao động. Năm 2000, số lượng lao động trong khu vực kinh tế tư nhân là 4.643.844 người, chiếm 12% trong tổng lao động xã hội, bằng 1,36 lần tổng số lao động làm việc trong khu vực nhà nước. Lực lượng lao động trong khu vực kinh tế tư nhân đã góp phần đáng kể vào việc xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống nhân dân ở khu vực thành thị và nông thôn. Trong 5 năm 1996 – 2000, lao động trong khu vực kinh tế tư nhân tăng thêm 778.681 người. Trong đó, số người làm việc trong bộ phận doanh nghiệp của tư nhân tăng: 487.459 người; số lao động ở khu vực kinh doanh cá thể tăng: 292.222 người. Riêng số lao động trong hộ kinh doanh cá thể qua khảo sát thực tế lớn hơn nhiều so với số đăng ký vì hộ gia đình chủ yếu sử dụng lao động trong dòng họ, lao động mang tính thời vụ và lao động nông nhàn, hoặc thuê nhiều lao động nhưng kê khai ít, nên không thể hiện trong báo cáo thống kê. Nếu gộp tất cả các thành phần: kinh tế tư bản tư nhân, cá thể, tiểu chủ thì hiện nay tổng lao động trong khu vực kinh tế tư nhân chiếm trên 90% tổng lao động toàn xã hội (khu vực kinh tế nhà nước chỉ chiếm khoảng gần 9%, khu vực kinh tế tập thể khoảng 0,37% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài là 0,67% tổng lao động xã hội). Như vậy, trong thời điểm hiện nay và sắp tới khu vực kinh tế tư nhân thực sự có vai trò quan trọng trong việc tạo công ăn, việc làm cho lao động xã hội, nhất là trong thời điểm Nhà nước đang tiến hành sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước làm ăn không hiệu quả.

Hạn chế

Tuy khu vực kinh tế tư nhân phát triển mạnh trong thời gian qua, nhất là sau khi Luật doanh nghiệp có hiệu lực (1.2000), nhưng nó phát triển rất không đồng đều giữa các vùng trong cả nước. Theo các số liệu thống kê gần đây cho thấy, đại đa số các đơn vị kinh tế tư nhân tập trung ở vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, trong khi phần nhỏ hơn tập trung ở vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Duyên hải miền Trung. Trong đó, vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, với 4 tỉnh, thành: Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, có khu vực kinh tế tư nhân phát triển mạnh nhất cả nước xét về mọi mặt: số lượng các doanh nghiệp, số vốn đầu tư cũng như tính linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh ... Đây là vùng đã từng hoạt động và phát triển trong kinh tế thị trường, do vậy khu vực kinh tế tư nhân cũng phát triển rất sớm. Trước 1975, vùng này có nền kinh tế phát triển nhất miền Nam với các cơ sở kinh tế của các nhà tư sản và những người tiểu thương, tiểu chủ hoạt động trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, dịch vụ... Sau năm 1975, với chính sách cải tạo tư sản và phong trào hợp tác hoá, tập thể hoá nhằm cải tạo những người sản xuất nhỏ tiến nhanh lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đã làm cho khu vực kinh tế tư nhân ở vùng này không thể tồn tại và phát triển như trước đây. Với tính năng động vốn có của mình, khi chính sách đổi mới kinh tế của Đảng được thực hiện thì khu vực kinh tế tư nhân của vùng này lại phát triển nhanh và mạnh nhất nước.

Nhìn chung, kinh tế tư nhân cả nước tuy có phát triển mạnh nhưng vẫn còn những tồn tại và yếu kém nhất định, như: quy mô nhỏ; thiếu vốn; máy móc, thiết bị, công nghệ lạc hậu và thiếu; nguồn nhân lực còn hạn chế về chất lượng, nhất là trình độ quản lý còn yếu kém; còn thiếu mặt bằng sản xuất kinh doanh; thiếu thị trường tiêu thụ sản phẩm, nhất là thị trường ngoài nước và khả năng cạnh tranh còn rất yếu. Sở dĩ có những tồn tại trên là do các nguyên nhân chủ yếu như: hệ thống luật pháp chưa đồng bộ; chính sách, cơ chế quản lý vĩ mô của Nhà nước để cho kinh tế tư nhân phát triển một cách vững chắc và lâu dài chưa được thể hiện một cách đầy đủ. Về khía cạnh xã hội còn có cái nhìn không đúng về kinh tế tư nhân và còn có sự phân biệt đối xử của các cơ quan, cán bộ nhà nước khi thực thi các chính sách đối với kinh tế tư nhân.

Giải pháp

Để kinh tế tư nhân cả nước phát triển mạnh hơn nữa, trong thời gian tới theo như tinh thần của nghị quyết TW 5 (khoá 9) nhất thiết phải thực hiện những việc làm cấp bách để nghị quyết của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân đi vào cuộc sống, như: Một là, hoàn thiện hệ thống luật pháp. Đây là vấn đề trọng yếu của một quốc gia dựa trên nền tảng pháp quyền. Hai là, cần hoàn thiện thể chế về tài chính, tín dụng. Hiện nay, các doanh nghiệp tư nhân khó tiếp cận đến nguồn vốn tín dụng ngân hàng mặc dù họ rất cần vốn cho sản xuất kinh doanh. Nguyên nhân chủ yếu là vấn đề thế chấp và thủ tục vay vốn còn rườm rà, gây phiền hà cho doanh nghiệp. Hệ thống thuế khoá còn nặng nề, phân biệt và phương thức hành thu rất nhiều khâu, tạo điều kiện cho các hiện tượng tiêu cực từ phía doanh nghiệp và cán bộ thu thuế. Ba là, xoá bỏ sự độc quyền của doanh nghiệp nhà nước trong nhiều lĩnh vực, nhất là lĩnh vực dịch vụ công cộng, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tư nhân tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực này. Bốn là, tạo môi trường tâm lý thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển. Hiện nay, còn tồn tại tâm lý thời kế hoạch hóa tập trung, bao cấp và nhất là ảnh hưởng của các vụ án trốn thuế, buôn lậu của một vài doanh nghiệp tư nhân (Tân Trường Sanh, Minh Phụng, EpCo, Đồng Nam...) nên còn một bộ phận dân cư, nhất là trong một bộ phận cán bộ, đảng viên coi thường kinh tế tư nhân, coi thường thương mại, coi buôn bán là xấu xa, coi thuê mướn là bóc lột, coi doanh nghiệp tư nhân là làm ăn chộp giật, gian dối, buôn lậu, trốn thuế... Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng, ngay trong bộ phận các doanh nghiệp cũng còn tâm lý e dè, ngại đầu tư do sợ bị "cải tạo" "quốc hữu hoá" như trước đây. Theo quan điểm của chúng tôi, sự tồn tại và phát triển của kinh tế tư nhân trong thời kỳ quá độ (kể cả chủ nghĩa xã hội) lên chủ nghĩa cộng sản là tất yếu khách quan, do đó cần phải củng cố và phát triển tâm lý tôn trọng khu vực kinh tế này trong xã hội. Đối với khu vực kinh tế tư nhân chỉ cần tạo môi trường thuận lợi, đừng gò ép, phân biệt đối xử là tự nó sẽ phát triển mạnh mẽ, không cần đến một biện pháp nào cả ■

Chú thích

(*) GS.TS. Chu Văn Cáp, Kinh tế tư nhân – Bản chất, tác dụng và định hướng phát triển, Kỷ yếu HTKH "Các giải pháp khuyến khích và phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn kinh tế trọng điểm phía Nam" do Khoa Kinh tế – ĐHQG TP.HCM và Trường Cán bộ TP.HCM tổ chức tháng 01.2003, tr.45 - 47.